

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11 tháng 10 năm 2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Anh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Tuyển
2. Bà Trịnh Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuý – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại phòng xử án, Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXX- ST ngày 17 tháng 9 năm giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1977- Có mặt

Nơi cư trú: Thôn 4B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Trương Ngọc P, sinh năm 1972- Có mặt

Nơi cư trú: Thôn 4B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa Chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trương Ngọc P đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 31/12/2015. Sau khi về chung sống thì vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng chưa có con nên dẫn đến gia đình trống trải. Anh

Trương Ngọc P đi làm không đưa tiền về cho vợ chăm lo cho gia đình, thường hay uống rượu về nhà mắng chửi, mang dao hù dọa vợ, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra xô xát, chính quyền địa phương phải đến can thiệp. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Nguyễn Thị Thu T có nguyện vọng là xin được ly hôn với anh Trương Ngọc P.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Trương Ngọc P trình bày:*

Anh P thừa nhận lời trình bày của chị T về thời gian chung sống kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung là hoàn toàn đúng thực tế. Theo anh P thì nguyên nhân dẫn đến chị T nộp đơn đến Tòa án ly hôn là do, vợ chồng chưa có con chung dẫn đến gia đình trống trải, anh chán nản nên thường xuyên rượu chè về chửi bới, xô xát vợ, nhiều lúc nóng nảy anh có mang dao đe dọa vợ, nên chính quyền địa phương có đến can thiệp, hiện nay chị T đã bỏ nhà đi, không chung sống với anh nữa, tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn vì bố mẹ, anh chị em bên nội, không đồng ý việc anh và chị T ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn với anh Trương Ngọc P, về con chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh Trương Ngọc P, không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc trình bày quan điểm đối với việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng như sau:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS, tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 luật Hôn

nhân và Gia đình năm 2014. Cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Trương Ngọc P.

Về con chung, chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trương Ngọc P không có con chung, nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T và bị đơn anh Trương Ngọc P theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

Về thẩm quyền: Xét thấy tại thời điểm chị Nguyễn Thị Thu T làm đơn khởi kiện ly hôn, bị đơn anh Trương Ngọc P cư trú tại Thôn 4B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trương Ngọc P đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 31/12/2015 trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Tại biên bản xác minh ngày 14/8/2018 (BL 23) đại diện chính quyền địa phương cung cấp, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trương Ngọc P đều thừa nhận, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P hiện nay có mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do chị T và anh P chưa có con chung dẫn đến gia đình trống trải, anh Trương Ngọc P thường xuyên rệu rã về chữ bới, xô xát vợ, nhiều lúc nóng nảy mang dao đe dọa vợ, nhiều lần chính quyền địa phương phải đến can thiệp, hiện nay chị Nguyễn Thị Thu T đã bỏ nhà đi, không chung sống với anh P nữa. Lý do anh Trương Ngọc P không đồng ý ly hôn với chị T là vì bố mẹ, anh chị em anh P không đồng ý việc anh và chị T ly hôn, còn thực tế, hai vợ chồng không còn tình cảm dành cho nhau nữa. Căn cứ vào các chứng cứ nêu trên cho thấy việc chị T và anh P sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị T làm đơn xin ly hôn với anh P là có căn cứ. Vì vậy HĐXX cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Trương Ngọc P là đúng theo quy định của pháp luật.

Về con chung: chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trương Ngọc P không có con chung, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trương Ngọc P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết phân tài sản chung và nợ chung. Nên HĐXX không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp, nên HĐXX chấp nhận ý kiến của Đại diện viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Trương Ngọc P.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu T và anh Trương Ngọc P không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc kiện ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Thu T đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0005241 ngày 25/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện K;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã H;
- Lưu HS, VP.

(Đã ký)

Chu Anh Hùng